

KẾT LUẬN

Thanh tra tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị trực thuộc

Thực hiện Quyết định số 196/QĐ-STC ngày 12/12/2022 của Giám đốc Sở Tài chính về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2023 của Sở Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-TTr ngày 27/7/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính về việc thanh tra tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị trực thuộc và Kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan;

Kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Năm 2022, Sở NN&PTNT có 08 đơn vị quản lý nhà nước (Văn phòng sở và 07 Chi cục) và 03 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc với tổng số biên chế được giao 529 người, biên chế có mặt đến thời điểm 31/12/2022 là 493 người.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Thanh tra việc quản lý tài chính

Trong phạm vi thời gian thanh tra theo Quyết định, Đoàn thanh tra thực hiện thanh tra đối với nguồn kinh phí của Văn phòng sở và đơn vị dự toán cấp I giao cho đơn vị dự toán cấp III, các nguồn thu phí, lệ phí, thu dịch vụ và thu khác tại 05 đơn vị: Văn phòng sở, Trung tâm khuyến nông, Chi cục Trồng trọt & BVTV, Trường Trung cấp nông nghiệp, Chi cục Phát triển nông thôn; Thực hiện rà soát một số nội dung tại 04 đơn vị: Chi cục Thủy sản; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Quản lý chất lượng NLS&TS; Chi cục Thủy lợi.

Theo số liệu báo cáo của Sở NN&PTNT kinh phí được giao và quyết toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán giao trong năm	Kinh phí quyết toán	Kinh phí chuyển nguồn sang năm sau	Hủy dự toán
	<u>Năm 2021</u>	<u>87.124.146.554</u>	<u>86.007.321.954</u>		<u>1.116.824.600</u>
1	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	8.070.607.000	8.006.928.000		63.679.000
1.1	Kinh phí chi thường xuyên	7.800.607.000	7.736.928.000		63.679.000
1.2	Kinh phí chi không thường xuyên	270.000.000	270.000.000		
2	Sự nghiệp kinh tế	54.070.222.554	53.305.383.954		764.838.600
2.1	Kinh phí chi thường xuyên	32.633.846.000	32.119.012.000		514.834.000
2.2	Kinh phí chi không thường xuyên	21.436.376.554	21.186.371.954		250.004.600
3	Quản lý hành chính	24.953.317.000	24.665.010.000		288.307.000
3.1	Kinh phí chi thường xuyên	24.703.317.000	24.415.010.000		288.307.000
3.2	Kinh phí chi không thường xuyên	250.000.000	250.000.000		
4	Sự nghiệp môi trường	30.000.000	30.000.000		
	<u>Năm 2022</u>	<u>107.293.387.050</u>	<u>105.811.037.505</u>	<u>912.522.550</u>	<u>569.826.995</u>
1	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	8.274.379.000	8.274.379.000		
1.1	Kinh phí chi thường xuyên	7.904.510.000	7.904.510.000		
1.2	Kinh phí chi không thường xuyên	369.869.000	369.869.000		
2	Sự nghiệp kinh tế	55.836.898.500	55.631.638.033		205.260.467
2.1	Kinh phí chi thường xuyên	34.293.320.000	34.292.300.000		1.020.000
2.2	Kinh phí chi không thường xuyên	21.543.578.500	21.339.338.033	0	204.240.467
3	Quản lý hành chính	28.615.639.550	27.813.442.000	459.390.550	342.807.000
3.1	Kinh phí chi thường xuyên	26.046.300.000	26.046.300.000		
3.2	Kinh phí chi không thường xuyên	2.569.339.550	1.767.142.000	459.390.550	342.807.000
4	Sự nghiệp môi trường	50.000.000	50.000.000		
5	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM	13.881.635.000	13.840.778.472	19.097.000	21.759.528
6	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	634.835.000	200.800.000	434.035.000	

Năm 2022, Sở NN&PTNT có 4 chi cục (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y) vừa được giao biên chế công chức vừa được giao biên chế viên chức và được cấp kinh phí chi thường xuyên theo 2 hình thức tự chủ và không tự chủ.

Đối với các nguồn kinh phí không sử dụng, sử dụng không hết, đơn vị đã thực hiện hủy dự toán; Kinh phí đang thực hiện dở dang chuyển nguồn: Kinh phí điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thái Bình giai đoạn 2012-2020 (chi cục Kiểm Lâm) 459.390.550 đồng, truyền thông về xây dựng nông thôn mới 19.097.000 đồng.

1. Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị dự toán cấp I đối với đơn vị dự toán cấp III.

Căn cứ Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN của UBND tỉnh, Giám đốc Sở NN&PTNT đã Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc

(Sở Tài chính thống nhất nội dung phân bổ) đảm bảo trình tự quy định.

Sở NN&PTNT đã thực hiện xét duyệt quyết toán và Thông báo xét duyệt quyết toán năm đối với 10/10 đơn vị dự toán cấp III trực thuộc theo quy định (không có Văn phòng sở). Tuy nhiên, chất lượng công tác xét duyệt quyết toán các đơn vị trực thuộc chưa cao, việc phát hiện và kiến nghị, chấn chỉnh những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán chưa triệt để.

2. Thanh tra việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

05/05 đơn vị được thanh tra đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ cho việc thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Quy chế chi tiêu nội bộ cơ bản đảm bảo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định của Nhà nước.

Tuy nhiên, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị xây dựng chưa đầy đủ hết các nội dung hoạt động phát sinh tại đơn vị như: chi hoạt động dịch vụ, mức chi trả tiền công tác phí theo thực tế đối với trường hợp công tác trong tỉnh làm căn cứ chi các nhiệm vụ phát sinh trong năm.

3. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí NSNN cấp

3.1. Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên

Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên chủ yếu chi thanh toán chế độ cá nhân cho cán bộ, cơ bản được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ. Chi thanh toán cho cá nhân kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng. Tuy nhiên còn tồn tại:

- Trung tâm khuyến nông mua các loại giống cá phục vụ chương trình khoa giáo trong năm 2021, 2022 không mua của hai trại giống là đơn vị trực thuộc mà ký kết hợp đồng và mua của đơn vị bên ngoài.

- Trung tâm khuyến nông, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức các lớp tập huấn chứng từ chưa nêu rõ cụ thể đối tượng tập huấn.

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, nguồn kinh phí thường xuyên của các trạm không thực hiện tự chủ: Chứng từ chi tiền công tác phí, tiền nước uống tại các hội nghị tập huấn sở tay Đảng viên, hội nghị thảo luận xin ý kiến các sở, ban ngành, hội nghị phát triển sản xuất lúa gạo chưa đảm bảo về mức chi, đối tượng theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 20/4/2017 của Bộ Tài chính.

3.2. Kinh phí NSNN cấp không thực hiện tự chủ

Kết quả thanh tra cho thấy nguồn kinh phí NSNN cấp không thực hiện tự chủ được các đơn vị quản lý và sử dụng cơ bản đảm bảo chế độ, tiêu chuẩn, định mức nhà nước quy định và nội dung dự toán, kế hoạch đã xây dựng đầu năm.

Tuy nhiên còn tồn tại:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chứng từ chi một số nội dung thuộc các mô hình vốn khuyến nông còn chưa cụ thể, đầy đủ theo quy định: chứng từ thuê xe mô hình trồng bí xanh, bí đỏ; chứng từ chi trong hội nghị tham quan, hội nghị tổng kết mô hình.

- Mô hình nuôi cá trắm đen bằng thức ăn công nghiệp, kinh phí mua giống cá trắm đen trị giá 99.000.000 đồng, Trung tâm Khuyến nông thực hiện ký hợp đồng và mua bán với Hợp tác xã thủy sản Hưng Phát, không đặt hàng mua của hai trại giống là đơn vị trực thuộc.

- Chi cục Phát triển nông thôn chi dịch thuật chưa đảm bảo số từ/trang quy định tại Điều 11 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính.

4. Thanh tra nguồn thu phí, lệ phí

Sở NN&PTNT có 05 đơn vị (Chi cục Thủy sản; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Quản lý chất lượng NLS&TS, Văn phòng sở, Chi cục Trồng trọt & BVTV) thực hiện nhiệm vụ thu phí, lệ phí, kết quả thực hiện thu, chi đơn vị báo cáo như sau:

Đơn vị tính: 1000 đồng

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
Số giao thu	1.410.000	410.000
Số dư năm trước chuyển sang	231.576	124.702
Số thu trong năm	1.087.930	832.831
Số phải nộp NSNN, nộp cấp trên trong năm	151.558	126.134
Tổng số thu được sử dụng trong năm	1.167.948	831.399
Số chi trong năm đề nghị quyết toán	1.043.245	722.885
Số dư chuyển sang năm sau	124.702	108.514

05 đơn vị thực hiện mức thu phí, lệ phí đảm bảo theo các quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh, một số loại phí, lệ phí thực hiện thu qua Trung tâm hành chính công tỉnh, nộp NSNN theo đúng tỷ lệ quy định, đã thực hiện trích 40% số thu để thực hiện nguồn cải cách tiền lương theo quy định, nguồn CCTL tồn đến 31/12/2022 của 5 đơn vị số tiền 2.587,8 triệu đồng.

Tuy nhiên, Văn phòng sở chưa thực hiện hạch toán, theo dõi công nợ phải thu Phí thẩm định dự toán xây dựng trên tài khoản kế toán và báo cáo tài chính.

5. Thanh tra các nguồn thu dịch vụ và thu khác

Kết quả thanh tra cho thấy các đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT bên cạnh việc tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, đã tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao. Về cơ bản các đơn vị thực hiện thu và sử dụng nguồn thu đảm bảo quy định.

Tuy nhiên còn tồn tại:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật nguồn thu từ hợp đồng khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật đơn vị chưa hạch toán doanh thu hoạt động mà hạch toán thu

hộ chi hộ là không đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Năm 2019, Chi cục Thủy lợi nhận bàn giao kinh phí chi quản lý dự án, giám sát các dự án của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường không sử dụng hết chưa nộp vào NSNN số tiền 50.263.000 đồng, đơn vị đang theo dõi trên tài khoản tiền gửi ngân hàng.

- Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm khuyến nông có 03 đơn vị trực thuộc: Trại thực nghiệm nuôi cá Hòa Bình, Trại giống nước ngọt Vũ Lạc, Trại Thực nghiệm xã Thụy Hải. Trong đó, Trại Thực nghiệm xã Thụy Hải đã dừng hoạt động; Trại thực nghiệm nuôi cá Hòa Bình và Trại giống nước ngọt Vũ Lạc hoạt động theo hình thức báo sổ, không có tài khoản và mã số thuế riêng.

Trung tâm khuyến nông chưa thực hiện xuất hóa đơn đối với doanh thu hàng hóa bán ra, các nguồn doanh thu khác tại 02 trại cá theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. Theo số liệu báo cáo của đơn vị, số lỗ lũy kế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 2 trại cá tính đến thời điểm 31/12/2022 số tiền 687.666.217 đồng.

- Năm 2021, Trường Trung cấp nông nghiệp thực hiện điều chỉnh giảm học phí nhưng chưa thanh toán trả lại số tiền chênh lệch đã thu của học sinh tổng số tiền 11.250.000 đồng (25 học sinh x 450.000 đồng).

Năm 2017, Trường Trung cấp nông nghiệp hoạt động liên doanh liên kết và đã tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 92.385.800 đồng. Tuy nhiên chưa thực hiện kê khai, nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Năm 2021, 2022 có 3 đơn vị thực hiện kê khai nộp các sắc thuế chưa đầy đủ theo quy định, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số phải nộp		Số đã nộp		Số còn phải nộp	
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
1. Thuế GTGT	26.878.110	19.944.550	5.807.060	3.148.780	21.071.050	16.795.770
Chi cục trồng trọt & BVTV	14.517.650	7.871.950	5.807.060	3.148.780	8.710.590	4.723.170
Chi cục chăn nuôi & thú y	10.260.460	9.972.600			10.260.460	9.972.600
Trung tâm khuyến nông	2.100.000	2.100.000			2.100.000	2.100.000
2. Thuế TNDN	38.918.460	31.522.110	14.517.650	17.844.550	24.400.810	13.677.560
Chi cục trồng trọt & BVTV	14.517.650	7.871.950	14.517.650	7.871.950	0	0
Chi cục chăn nuôi	10.260.460	9.972.600		9.972.600	10.260.460	
Trung tâm khuyến nông	14.140.350	13.677.560			14.140.350	13.677.560
3. Lệ phí môn bài	3.000.000	3.000.000	0	0	3.000.000	3.000.000
Chi cục trồng trọt & BVTV	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000
Trung tâm khuyến nông	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000
Chi cục chăn nuôi	1.000.000	1.000.000			1.000.000	1.000.000
Tổng cộng					48.471.860	33.473.330
Tổng 2 năm					81.945.190	